TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÀU BÀNG** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 19/2022/DS-ST
Ngày: 27-7-2022
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÀU BÀNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Anh Duy.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Độ;

Ông Huỳnh Thanh Hưng;

- Thư ký phiên tòa: Ông Kiều Vĩnh Phong, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Giang – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 131/2021/TLST-DS ngày 24 tháng 11 năm 2021 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2022/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 4 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số: 11/2022/QĐST-DS ngày 29 tháng 4 năm 2022, Thông báo mở lại phiên tòa số: 05/2022/TB-TA ngày 13 tháng 6 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 48/2022/QĐST-DS ngày 30 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Hữu T, sinh năm 1971 và bà Lê Thị H, sinh năm 1970; địa chỉ: Số X, tổ 9, ấp T, xã N, huyện B, tỉnh Bình Dương; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà Lê Thị Kim A – Luật sư thuộc Văn phòng Luật sư NT thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Bình Dương; có mặt.

- Bị đơn:

1/ Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1961; địa chỉ: Ấp H, xã N, huyện B, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

2/ Bà Lê Thị N, sinh năm 1965 (chết ngày 02-5-2022). Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà Lê Thị N:

+ Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1961; vắng mặt.

+ Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1986; vắng mặt.

+ Ông Nguyễn Ngọc H, sinh năm 1990; vắng mặt, có đơn xin vắng mặt.

+ Bà Nguyễn Thị Y, sinh năm 1992; vắng mặt.

+ Ông Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1994; vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Ấp H, xã N, huyện B, tỉnh Bình Dương.

+ Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1987; địa chỉ: Ấp L, xã N, huyện B, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

3/ Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1987; địa chỉ: Ấp L, xã N, huyện B, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Bà Trần Thị P, sinh năm 1980 và bà Lê Thị X, sinh năm 1944; cùng địa chỉ: Ấp C, xã T, huyện D, tỉnh Bình Dương; vắng mặt, có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn ông Nguyễn Hữu T trình bày:

Ngày 05-3-2020, bà Lê Thị H có cho bà Nguyễn Thị M (con của ông Nguyễn Văn Chấn và bà Lê Thị N) vay số tiền 300.000.000 đồng, mục đích vay để đáo hạn ngân hàng, thời hạn vay 1 tháng tính từ ngày 05-3-2020 đến 05-4-2020, lãi suất thỏa thuận miệng 1%/tháng. Việc vay tiền có viết giấy tay do bà M viết và ký tên. Đồng thời với việc vay tiền bà M có thế chấp cho bà H 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Lê Thị X. Đến hạn trả nợ ngày 05-4-2020, bà M chưa trả tiền cho bà H thì bà M có xin thêm thời gian khoảng 1 tháng nữa, vì nghĩ bà M là giáo viên – hiệu phó của trường Mầm non Sao Mai sẽ không để mất uy tín nên bà H đồng ý. Sau khi hết thời gian xin thêm, bà H nhiều lần yêu cầu bà M trả nợ thì bà M chỉ trả được cho bà H 10.000.000 đồng tiền lãi và xin được lấy lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên bà Lê Thị X mà bà M đã cầm cho bà H khi vay tiền đồng thời đề nghị cha mẹ bà M là ông Nguyễn Văn C, bà Lê Thị N sẽ đến Văn phòng công chứng để ký kết hợp đồng vay tiền với vợ chồng ông T, bà H nhưng vợ chồng ông T, bà H chưa đồng ý thì cha mẹ bà M là ông C, bà N và bà M đến nhà vợ chồng ông T, bà H thương lượng xin cho ông bà được cùng với bà M trả nợ. Vì nghĩ cha mẹ bà M là người lớn nên vợ chồng ông T, bà H đồng ý ký kết hợp đồng vay tiền có công chứng và trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên bà Lê Thị X cho bà M. Ngày 19-6-2020, vợ chồng ông T, bà H cùng vợ chồng ông Nguyễn Văn C, Lê Thị N đến Văn phòng Công chứng Bàu Bàng ký kết hợp đồng vay tài sản không có tài sản bảo đảm với nội dung vợ chồng ông T, bà H cho vợ chồng ông C, bà N vay số tiền 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng), thỏa thuận lãi suất 1%/tháng, trả lãi vào ngày 19 dương lịch hàng tháng, thời hạn vay là 4 tháng tính từ ngày 19-6-2020. Việc vay tiền được lập thành văn bản và được Văn phòng công chứng Bàu Bàng chứng thực. Sau khi ký hợp đồng công chứng cùng ngày vợ chồng ông T, bà H đã trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên bà Lê Thị X cho bà M do bà Trần Thị P nhận sổ. Tuy nhiên, sau khi ký hợp đồng vay tiền vợ chồng ông C, bà N và bà M không thực hiện đúng như thỏa

thuận không trả tiền lãi hàng tháng, hết thời hạn vay cũng không trả tiền nợ gốc. Mặc dù đã rất nhiều lần ông T, bà H yêu cầu ông C, bà N cùng bà M trả nợ gốc và nợ lãi nhưng ông C, bà N và bà M không những không thực hiện mà còn thách thức đi kiện. Nay ông T, bà H đề nghị Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Văn C, bà Lê Thị N và bà Nguyễn Thị M liên đới trả số tiền gốc là 300.000.000 đồng và tiền lãi chậm trả tính từ ngày 05-3-2020 đến ngày xét xử sơ thẩm (27-7-2022) là 86.200.000 đồng khấu trừ số tiền lãi 10.000.000 đồng ông T, bà H đã nhận. Tổng số tiền yêu cầu là 376.200.000 đồng (ba trăm bảy mươi sáu triệu hai trăm nghìn đồng).

Do bà Lê Thị N chết ngày 02 tháng 5 năm 2022 nên ông T, bà H yêu cầu người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà Lê Thị N gồm ông Nguyễn Văn C, bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị M, bà Nguyễn Thị Y, ông Nguyễn Ngọc T, ông Nguyễn Ngọc H có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ tài sản trong phạm vi di sản do bà N để lại.

Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Lê Thị H trình bày:

Thống nhất lời trình bày của nguyên đơn ông Nguyễn Hữu T, bà H không trình bày gì thêm.

Chứng cứ nguyên đơn cung cấp là giấy vay tiền ngày 05-3-2020 và hợp đồng vay không có tài sản bảo đảm ngày 19-6-2020 (bản photo đã đối chiếu bản chính)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn bà Lê Thị Kim A trình bày:

Đề nghị Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Văn C, bà Lê Thị N và bà Nguyễn Thị M liên đới trả số tiền gốc là 300.000.000 đồng và tiền lãi chậm trả tính từ ngày 05-3-2020 đến ngày xét xử sơ thẩm (27-7-2022) là 86.200.000 đồng khấu trừ số tiền lãi 10.000.000 đồng ông T, bà H đã nhận. Tổng số tiền yêu cầu là 376.200.000 đồng (ba trăm bảy mươi sáu triệu hai trăm nghìn đồng). Do bà Lê Thị N chết ngày 02 tháng 5 năm 2022 nên người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà Lê Thị N gồm ông Nguyễn Văn C, bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị M, bà Nguyễn Thị Y, ông Nguyễn Ngọc T, ông Nguyễn Ngọc H có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ tài sản trong phạm vi di sản do bà N để lại.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Nguyễn Văn C trình bày:

Ngày 14-6-2020, ông C, bà N biết bà Nguyễn Thị M có vay số tiền 300.000.000 đồng của ông T, bà H để làm ăn. Sau một thời gian kinh doanh thua lỗ thì bà M không còn khả năng thanh toán cho ông T, bà H nên ông C, bà N đã nhận lời với ông T, bà H về việc ông C, bà N cùng trả số nợ 300.000.000 đồng mà bà M đã vay trước đó. Ngày 19-6-2020, ông C, bà N đã đến Văn phòng Công chứng Bàu Bàng để ký hợp đồng vay không có tài sản bảo đảm với ông T, bà H để vay số tiền 300.000.000 đồng. Thực tế, ông C, bà N, bà M chỉ nợ ông T, bà H tổng số tiền là 300.000.000 đồng. Hiện ông C đồng ý cùng với bà N, bà M trả số tiền 300.000.000 đồng và tiền lãi 1%/tháng theo yêu cầu của khởi kiện của

ông T, bà H nhưng do hoàn cảnh khó khăn, bà N bị bệnh ung thư giai đoạn cuối nên ông C xin trả góp mỗi tháng 5.000.000 đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Lê Thị N trình bày:

Thống nhất lời trình bày của ông C, bà N đồng ý trả số tiền gốc và lãi theo yêu cầu của nguyên đơn ông T, bà H nhưng do hoàn cảnh khó khăn nên bà N xin trả góp mỗi tháng 5.000.000 đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị P trình bày:

Ngày 05-3-2020, bà P có cho bà Nguyễn Thị M mượn giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên bà Lê Thị X (mẹ của bà P) để thế chấp cho bà Lê Thị H vay số tiền 300.000.000 đồng. Ngày 19-6-2020, bà P đã nhận lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này và đưa lại cho bà Lê Thị X, hiện nay bà P không có yêu cầu gì. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị X trình bày:

Ngày 19-6-2020, con gái bà Xuân là bà Trần Thị P đã đưa lại cho bà X giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên bà Lê Thị X, hiện nay bà X không có yêu cầu gì. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bàu Bàng phát biểu quan điểm:

+ Về tố tụng: từ khi thụ lý vụ án đến khi khai mạc phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành đúng, đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định pháp luật.

+ Về nội dung: yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Hữu T, bà Lê Thị H về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản với bị đơn ông Nguyễn Văn C, bà Lê Thị N, bà Nguyễn Thị M.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn ông Nguyễn Hữu T, bà Lê Thị H khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Nguyễn Văn C, bà Lê Thị N, bà Nguyễn Thị M phải trả lại cho số tiền đã vay. Căn cứ khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên quan hệ pháp luật được xác định là tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn ông Nguyễn Văn C, bà Lê Thị N, bà Nguyễn Thị M có hộ khẩu thường trú tại xã Long Nguyên, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của

Bộ luật Tố tụng dân sự xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương.

[1.3] Về xác định người tham gia tố tụng: Do bà Lê Thị N chết ngày 02 tháng 5 năm 2022. Căn cứ khoản 1 Điều 74 của Bộ luật Tố tụng dân sự xác định ông Nguyễn Văn C, bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị M, bà Nguyễn Thị Y, ông Nguyễn Ngọc T, ông Nguyễn Ngọc H là người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà Lê Thị N.

[1.4] Về tham gia tố tụng của các đương sự: Bị đơn ông Nguyễn Văn C, bà Nguyễn Thị M, người kế thừa quyền, nghĩa vụ của bà N gồm ông Nguyễn Văn C, bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị M, bà Nguyễn Thị Y, ông Nguyễn Ngọc T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không lý do, người kế thừa quyền, nghĩa vụ của bà N ông Nguyễn Ngọc H, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị P, bà Lê Thị X có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về tiền gốc: Nguyên đơn ông T, bà H cung cấp 01 giấy vay tiền ngày 05-3-2020 thể hiện việc bà M có vay của bà H số tiền 300.000.000 đồng, thời hạn vay 01 tháng kể ngày 05-3-2020 đến ngày 05-4-2020 và 01 hợp đồng vay không có tài sản bảo đảm ngày 19-6-2020 thể hiện ông C, bà N có vay của ông T, bà H số tiền 300.000.000 đồng, thời hạn vay 04 tháng kể từ ngày 19-6-2020. Đồng thời nguyên đơn ông T, bà H khai tổng số tiền mà ông C, bà N, bà M vay là 300.000.000 đồng tiền gốc và ông C, bà N cũng thừa nhận việc ông C, bà N ký hợp đồng vay ngày 19-6-2020 là để cùng với bà M trả nợ số tiền gốc 300.000.000 đồng và tiền lãi của hợp đồng vay ngày 05-3-2020, nội dung này được các đương sự thừa nhận nên đây là tình tiết không phải chứng minh quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, đến thời điểm hiện tại thì ông C, bà N, bà M đều không trả bất cứ số tiền nào cho ông T, bà H. Do đó, yêu cầu thanh toán tiền nợ gốc 300.000.000 đồng của ông T, bà H là có cơ sở xem xét.

[2.2] Về tiền lãi: Xét thấy, bà H và bà M có ký giấy vay tiền ngày 05-3-2020 thỏa thuận miệng lãi suất 1%/tháng, thời hạn vay là 01 tháng kể từ ngày 05-3-2020, ông C, bà N cũng đồng ý trả số tiền lãi này. Mức lãi suất ông T, bà H yêu cầu là có căn cứ phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Bà H thừa nhận có nhận số tiền 10.000.000 đồng tiền lãi của bà M nên ông T, bà H đồng ý khấu trừ số tiền này vào tiền lãi suất chậm trả, xét lời khai của nguyên đơn là có lợi cho bị đơn nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Như vậy tiền lãi chậm trả tính từ ngày 05-3-2020 đến ngày xét xử sơ thẩm (27-7-2022), khấu trừ số tiền 10.000.000 đồng là (300.000.000 đồng x 28 tháng 22 ngày x 1%) – 10.000.000 đồng = 76.200.000 đồng. Do đó, yêu cầu thanh toán tiền lãi là có cơ sở xem xét.

[2.3] Do bà Lê Thị N chết ngày 02 tháng 5 năm 2022 nên Hội đồng xét xử nhận thấy những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà Lê Thị N gồm ông Nguyễn Văn C, bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị M, bà Nguyễn Thị Y, ông Nguyễn Ngọc T, ông Nguyễn Ngọc H phải có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ tài sản trong phạm vi di sản do bà N để lại là có cơ sở, phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 615 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2.4] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử nhận thấy có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông T, bà H.

[3] Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa về nội dung vụ án là có cơ sở, phù hợp quy định của pháp luật.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Hữu T, bà Lê Thị H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; ông Nguyễn Văn C, người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà Lê Thị N, bà Nguyễn Thị M phải liên đới chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Điều 26; Điều 35; Điều 39; khoản 1 Điều 74; Điều 92; Điều 147; Điều 227, Điều 228, Điều 243, Điều 244, Điều 266, Điều 269, Điều 271, Điều 273, Điều 278, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Các Điều 463, Điều 465, Điều 466, Điều 468, khoản 1 Điều 615 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Nghị Quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Hữu T, bà Lê Thị H đối với bị đơn ông Nguyễn Văn C, bà Lê Thị N, bà Nguyễn Thị M về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

1.1. Ông Nguyễn Văn C, bà Nguyễn Thị M và người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà Lê Thị N gồm ông Nguyễn Văn C, bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị M, bà Nguyễn Thị Y, ông Nguyễn Ngọc T, ông Nguyễn Ngọc H có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho ông Nguyễn Hữu T, bà Lê Thị H số tiền

376.200.000 đồng (ba trăm bảy mươi sáu triệu hai trăm nghìn đồng) trong đó tiền gốc là 300.000.000 đồng và tiền lãi là 76.200.000 đồng (bảy mươi sáu triệu hai trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

2. Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà Lê Thị N gồm ông Nguyễn Văn C, bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị M, bà Nguyễn Thị Y, ông Nguyễn Ngọc T, ông Nguyễn Ngọc H có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ tài sản trong phạm vi di sản do bà N để lại.

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Hữu T, bà Lê Thị H không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho ông Nguyễn Hữu T, bà Lê Thị H số tiền 8.625.000 đồng (tám triệu sáu trăm hai mươi lăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2021/0008822 ngày 23 tháng 11 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương.

Ông Nguyễn Văn C, bà Nguyễn Thị M, người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà Lê Thị N gồm ông Nguyễn Văn C, bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị M, bà Nguyễn Thị Y, ông Nguyễn Ngọc T, ông Nguyễn Ngọc H phải liên đới chịu số tiền 18.810.000 đồng (mười tám triệu tám trăm mười nghìn đồng) án phí dân sự.

4. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Bàu Bàng;
- Chi cục THADS huyện Bàu Bàng;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Anh Duy

Các Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

Nguyễn Văn Độ **Nguyễn Văn Hòa** **Phạm Anh Duy**